TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2022.
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa.

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Dương Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang:* Ông Ngô Thành Khánh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Minh C – sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp TN, xã XĐ, huyện CG , tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị T – sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp TN, xã XĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

(Anh C có đơn xin vắng mặt;

Chị T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Phạm Minh C trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị T cưới nhau vào năm 2008, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khi anh bị tai nạn giao thông thì chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh và chị T đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thúy V– sinh ngày 14/6/2008. Hiện nay cháu V đang do anh C nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của cháu và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống giữa anh và chị T không có nợ chung.

** Bị đơn chị Phan Thị T vắng mặt không tham gia phiên tòa.*

* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh C đối với chị T. Về tài sản chung, anh C không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về nợ chung, anh C trình bày giữa anh và chị T không nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Phạm Minh C yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Nguyên đơn anh C có đơn xin vắng mặt. Bị đơn chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị T không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh C, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh C và chị T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C với chị T, Hội đồng xét xử xét thấy anh C và chị T tự nguyện cưới nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2019 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có quan hệ tình cảm với người khác và anh C, chị T đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, anh C và chị T đã có thời gian dài ly thân nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm, đồng thời quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T nhưng chị T không tham dự phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh C, chứng tỏ chị T không có ý muốn hàn gắn tình cảm với anh C. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh C và chị T có 01 con chung tên Phạm Thúy V – sinh ngày 14/6/2008. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình anh C và chị T ly thân cho đến nay thì cháu V do anh C trực tiếp nuôi dưỡng và cháu V có nguyện vọng được sống với cha khi anh C và chị T ly hôn, do đó để đảm bảo điều kiện cho sự phát triển cả về thể chất, tinh thần của cháu V nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con của anh C.

[5] Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh C trình bày giữa anh và chị T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy những phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Anh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Minh C đối với chị Phan Thị T.

Anh Phạm Minh C được ly hôn với chị Phan Thị T.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh C. Giao con chung tên Phạm Thúy V – sinh ngày 14/6/2008 cho anh C nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0005016 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên anh C đã thi hành xong.

4/ Anh C, chị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho anh C, chị T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- UBND xã XĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh